

Bản án số: 758/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-10-2019  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu
2. Bà Trần Tiểu Quỳnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 659/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2019/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 7, thành phố C, tỉnh C.

Nơi cư trú: Số 30.1 lô D, tầng 30, chung cư P, đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Bà Nhan Thị Ngọc N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 43/3 đường N, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và tại bản tự khai ngày 23/9/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày: Ông với bà Nhan Thị Ngọc N qua thời gian quen biết, tìm hiểu được 02 tháng (khoảng tháng 10/2014) thì cả hai tự nguyện về chung sống với nhau năm 2014, đến năm 2016 mới tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn do luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, nên thường

xuyên cãi vã với nhau làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng. Nguyên nhân, do bà N ham mê cờ bạc, không lo cho gia đình, không có trách nhiệm chăm sóc con, ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không kết quả, thời gian gần đây ông bắt gặp bà N ngoại tình, nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn bà Nhan Thị Ngọc N.

Về con chung ông Nguyễn Hoàng P xác định có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 31/7/2015 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/6/2017. Ly hôn ông yêu cầu được nuôi hai con vì ông có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng P xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Tại bản tự khai ngày 23/9/2019, bị đơn bà Nhan Thị Ngọc N trình bày: Bà quen biết ông Nguyễn Hoàng P thông qua cô ruột ông Phúc. Bà thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Hoàng P là qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2016 mới tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn và luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi vã với nhau làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, nên cả hai đã sống ly thân từ tháng năm 2016 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn và không có khả năng đoàn tụ, nên bà đồng ý ly hôn ông Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Bà Nhan Thị Ngọc N xác định có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 31/7/2015 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/6/2017. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi trẻ Nguyễn Hoàng A, không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con. Trường hợp ông P có nguyện vọng nuôi cả hai con thì bà đồng ý giao trẻ Anh cho ông P nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; nợ chung: Bà Nhan Thị Ngọc N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N đều vắng mặt (theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 03/10/2019).

Đây là vụ án dân sự về “Ly hôn”, chứng cứ đã rõ ràng, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp hoặc đương sự trong vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn, có hai con chung. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông P xin ly hôn bà N. Bà N đang cư trú tại Quận 7; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[ 2] Về sự có mặt của đương sự: Căn cứ đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 03/10/2019 của ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hoàng P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy khai sinh tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 31/7/2015 (số 187, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2015) và Giấy khai sinh tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/6/2017 (số 173/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2017) thể hiện tên cha Nguyễn Hoàng P, tên mẹ Nhan Thị Ngọc N. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 246/2019/UBND-XNTTHN ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C, tỉnh C xác nhận ông Nguyễn Hoàng P đã kết hôn, nhưng đã ly hôn theo Biên bản “Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành” ngày 04/11/2008 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C và theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 575/UBND-XNTTHN ngày 25/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận bà Nhan Thị Ngọc N có đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 243/2014/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2014 của Tòa án nhân dân Quận 7, hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai. Như vậy, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, hai bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa ông P và bà N.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông P cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà N ham mê cờ bạc, không lo cho gia đình, không có trách nhiệm chăm sóc con, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn và không có khả năng đoàn tụ nên ông P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N. Phía bà N cũng thừa nhận và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P. Tại khoản 2 Điều 53 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do đó, về yêu cầu xin ly hôn của ông P và sự đồng ý ly hôn của bà N không được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn mà tiến hành xét xử, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà N.

[4] Về con chung: Tại Biên bản hòa giải về con chung và tài sản chung ngày 03/10/2019, ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N xác định có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 31/7/2015 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/6/2017. Hai bên thỏa thuận ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Hoàng A cho đến khi thành niên. Ông P không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp không trái quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận và sự tự nguyện này.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông P và bà N về việc ông P

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 31/7/2015 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 23/6/2017 cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con.

Bà Nhan Thị Ngọc N có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Hoàng A. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng P chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031629 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng P và bà Nhan Thị Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thạnh**